

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-07-2023

V/v Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành
2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2023 về việc Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐ-TA ngày 20/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980; vắng mặt

ĐKKH: Thôn T, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân H, sinh năm 1975; vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Phạm Xuân H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên

xảy ra cãi vã. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân khoảng gần 10 năm nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, việc ai người nấy làm. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh H, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Về con chung: Chị xác định anh chị có 01 con chung là Phạm Thị N. A, sinh ngày 14/8/2010. Ngoài ra chị và anh H không có con chung nào khác. Khi ly hôn chị có nguyện vọng xin nuôi cháu N. A, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Trong thời kỳ hôn nhân với anh H, chị có sinh một cháu họ tên là Phạm X. H, sinh ngày 13/3/2022, không phải là con chung với anh H. Cháu H đã làm xét nghiệm ADN với anh H, tại kết quả xét nghiệm ADN số 230417.46 ngày 17/4/2023 tại Công ty cổ phần Công nghệ Gen ứng dụng Việt Nam do chị cung cấp, nội dung kết luận “Phạm Xuân H không có quan hệ huyết thống Cha – Con với Phạm X. H”. Chị đề nghị xác định cháu Phạm X. H là con riêng của chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định chị và anh H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị, bị đơn là anh Phạm Xuân H trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như chị N đã khai. Sau khi kết hôn vài năm, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Do tình cảm không còn, nên hai bên đã sống ly thân từ gần 10 năm nay, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Nay chị N làm đơn xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn.

Về con chung: Anh xác định anh và chị N chỉ có 01 con chung là cháu Phạm Thị N. A, sinh ngày 14/8/2010, ngoài ra anh chị không còn con chung nào khác. Hiện nay cháu N. A đang sinh sống cùng gia đình chị N. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu N. A để làm căn cứ giải quyết.

Đối với cháu Phạm X. H, sinh ngày 13/3/2022 là con riêng của chị N, không phải con chung của anh nên anh không có quan điểm, anh chị đã thực hiện giám định ADN và giao nộp cho Tòa, đề nghị Tòa án căn cứ lời khai của anh chị và Kết quả xét nghiệm ADN chị N đã cung cấp để xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tài liệu xác minh tại địa phương: Chị N, anh H đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Vợ chồng chung sống vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân từ bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay chị N xin ly hôn, quan điểm của địa phương là Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

* Cháu Phạm Thị N. A là con chung của chị N, anh H có đơn đề nghị nguyện vọng xin ở với mẹ.

* Tại Kết quả xét nghiệm ADN số 230417.46 ngày 17/4/2023 của Công ty cổ phần công nghệ Gen ứng dụng Việt Nam; địa chỉ: Tầng 5, số 6 Đặng Xuân Bảng, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội đã xét nghiệm ADN trên cơ sở mẫu của Phạm Xuân H, sinh năm 1975 và Phạm X. H, sinh ngày 13/3/2022. Kết quả kết luận: Phạm Xuân H không có quan hệ huyết thống cha con với Phạm X. H.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39 BLDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N, đề nghị cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Phạm Xuân H. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị N. A, sinh ngày 14/8/2010 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị. Về con riêng: Xác định cháu Phạm X. H là con riêng của chị N, giao cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội

đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt chị N, anh H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N, anh H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N và ý kiến của anh H, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không hợp tính nết, thường xuyên xảy ra cãi nhau, xung đột. Thực tế, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay; trong thời gian ly thân hai bên có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Anh H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N, anh H ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng chị N, anh H có 01 con chung là Phạm Thị N. A, sinh ngày 14/8/2010. Chị N xin nuôi con, anh H đề nghị xem xét nguyện vọng của con. Cháu N. A có đơn đề nghị xin ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu N. A cho chị N nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị N không yêu cầu.

[4] *Về con riêng:* Tại kết quả xét nghiệm ADN số 230417.46 ngày 17/4/2023 của Công ty cổ phần công nghệ Gen ứng dụng Việt Nam; địa chỉ: Tầng 5, số 6 Đặng Xuân Bảng, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội kết luận: “Phạm Xuân H không có quan hệ huyết thống cha- con với Phạm X. H”. Chị N, anh H đều thống nhất xác định cháu Phạm X. H là con riêng của chị N. Vì vậy, đủ cơ sở xác định cháu Phạm X. H, sinh ngày 13/3/2022, số giấy khai sinh: 88, ngày cấp 29/7/2022, nơi cấp UBND xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là con riêng của chị Nguyễn Thị N.

[5] *Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên:* Chị N, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Phạm Xuân H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Thị N. A, sinh ngày 14/8/2010 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Phạm Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về con riêng: Xác định cháu cháu Phạm X. H, sinh ngày: 13/3/2022, số giấy khai sinh: 88, ngày cấp 29/7/2022, nơi cấp UBND xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là con riêng của chị Nguyễn Thị N. Giao cháu Phạm X. H, sinh ngày 13/3/2022 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm, nghĩa vụ tự liên hệ, làm việc với cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục về cải chính hộ tịch hoặc làm các thủ tục khác theo quy định pháp luật về hộ tịch đối với cháu Phạm X. H.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003449 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị N đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

